

# ASEM - MỘT THỂ CHẾ MỞ VÀ NHỮNG CƠ HỘI CHO VIỆT NAM

Ths. TRẦN PHƯƠNG HOA

*Viện Nghiên cứu Châu Âu*

Lịch sử loài người dường như chính là lịch sử của sự phát triển các mối quan hệ tương tác giữa con người với con người, của mức độ ràng buộc giữa một cá thể với những cá thể còn lại, là những hình thức tiếp xúc từ thấp đến cao: thoát tiên là giao tiếp giữa các cá thể, sau đó là quan hệ giữa các tập thể, là giao lưu giữa các cộng đồng, là hợp tác giữa các quốc gia, là sự liên kết giữa các khu vực và giờ đây đó là hội nhập giữa các châu lục trong một xu thế chung hướng tới toàn cầu hoá. ASEM ra đời như là một hệ quả tất yếu của toàn bộ tiến trình và xu thế chung của thời đại. Sự gặp gỡ của hai châu lục, của những nền văn minh lớn của nhân loại, của những khác biệt và đa dạng liệu có là một cứu cánh cho những vấn đề đang tồn tại hay mới nảy sinh đã không còn bó gọn trong phạm vi của từng quốc gia dân tộc? Bài viết này xin được trình bày vài nét về vấn đề thể chế hoá của diễn đàn liên châu lục này, một thể chế mở, một cơ hội cho Việt Nam hội nhập với thế giới.

## 1. Vài nét về ASEM

ASEM là viết tắt của cụm từ Asia-Europe meetings (các gặp gỡ Á - Âu), là diễn đàn của 15 nước EU với đại diện là Ủy ban Châu Âu và 10 nước châu Á (trong đó có 7 nước thành viên ASEAN là Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippine, Singapore, Thái Lan, Việt Nam và 3 nước Đông Á là

Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc), đối thoại trên cơ sở hợp tác bình đẳng. Ý tưởng về cuộc gặp thượng đỉnh giữa các nhà lãnh đạo Á - Âu được bắt nguồn từ cuộc gặp thượng đỉnh Kinh tế Châu Âu - Đông Á năm 1994. Trong “Chương trình hành động” của hội nghị đó, chủ đề “thúc đẩy quan hệ Châu Âu - Đông Á” được coi là một ưu tiên hàng đầu. Một trong các đề xuất được quan tâm là kêu gọi tổ chức cuộc gặp thượng đỉnh của các nhà lãnh đạo chính phủ các nước châu Âu và Đông Á do Thủ tướng Singapore (lúc đó là Goh Chok Tong) đã rất nhiệt tình đưa ra. Các nhà phân tích đã đưa ra một số nguyên nhân giải thích cho sự hưởng ứng đối với kiến nghị này.

*Thứ nhất*, người ta cho rằng trên thế giới hiện có ba trục quan hệ tạo thành một tam giác toàn cầu đó là quan hệ giữa Đông Á, Bắc Mỹ và châu Âu. Trong khi APEC là cầu nối giữa Đông Á và Bắc Mỹ, các quan hệ xuyên Đại Tây Dương tạo nên cạnh thứ hai của tam giác thì cạnh thứ ba (Âu - Á) dường như rất yếu và chính nhịp cầu giữa châu Âu và châu Á đã hoàn tất thế cân bằng.

*Thứ hai*, theo ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu, châu Âu đã “bỏ quên” châu Á trong một thời gian dài do chỉ chú trọng đến sự đối đầu Xô - Mỹ trong thời kỳ chiến tranh lạnh và do các nước châu Á kém phát triển, không có vị trí gì trong đời sống kinh tế thế

giới (Bùi Huy Khoát, 2003). Chỉ khi có sự nổi lên của các con rồng châu Á và những khu vực phát triển năng động ở châu Á như ASEAN thì EC mới “bùng tỉnh” để quay trở lại với châu lục vốn hoàn toàn không xa lạ với các nước châu Âu và ngay lập tức châu Âu đã xác lập cả một “chiến lược châu Á mới” nhằm thâm nhập, gây ảnh hưởng và thiết lập các quan hệ đối tác cùng phát triển. Nhiều nhà nghiên cứu đã coi ASEM là việc “nối lại quan hệ” (rapprochement) giữa châu Âu và châu Á, là sự quay trở lại, là việc châu Âu đã “tái phát kiến ra châu Á và những nỗ lực của châu Á nhằm tái thiết lập các liên kết kinh tế với châu Âu”. (Avila, 2001, tr. 31)

*Thứ ba*, theo tác giả Gilson (2002, tr. 1), chiến tranh lạnh kết thúc đã làm mất đi các liên minh chính trị và kinh tế cũ, xác lập các kiểu hợp tác mới để cùng giải quyết các vấn đề quan trọng trên cơ sở tập thể. Tác giả này cho rằng, ASEM chủ yếu hướng tới trao đổi về mặt chính trị của 25 quốc gia muốn tối đa hoá quyền lực của mình nhằm tạo nên một đối trọng với cái bóng “to lù lù” của Mỹ trong hệ thống quốc tế.

*Thứ tư*, theo một số nhà nghiên cứu như Gilson, Lawson (2003), xét về mặt văn hoá thì Âu-Á là hai thực thể khác nhau, thậm chí ngược với nhau. Gilson đã đưa ra khái niệm “cái tôi” (self) và cái khác (other), trong đó nếu châu Âu là cái tôi thì châu Á là cái khác và ngược lại. Tác giả này nhận định rằng “khuôn khổ lỏng lẻo của ASEM có thể coi là việc đặt một cái tôi châu Á với chế độ chính trị do số ít cầm đầu trong sự đối lập với một châu Âu tư bản là cái khác” (Gilson, 2002, tr. 20). Tuy nhiên “bản thân quá trình liên kết

trong bối cảnh song phương và toàn cầu hoá chính lại là quá trình để xác định và xác định lại bản chất của cái tôi và cái khác” (Gilson, 2002). Hay nói một cách khác, quá trình tương tác sẽ giúp hai thực thể khác nhau này không chỉ hiểu lẫn nhau mà hiểu được chính bản thân mình, là một quá trình tự nhận diện. Lawson (2003, tr. 2) đặt sự đối lập giữa tính châu Âu là “tập hợp của các giá trị văn hoá và những mối quan tâm chung xoay xung quanh một diện mạo chính trị được xác định là tính hiện đại, lý trí, thế tục cổ xuý cho các nguyên tắc cơ bản nhấn mạnh đến quyền con người và nền dân chủ” với những “giá trị châu Á” hiện đang còn là một ẩn số.

*Thứ năm*, một số nhà phân tích cho rằng ASEM là chất xúc tác cho quá trình củng cố quan hệ Âu - Á (Westerlund P., tr. 18). ASEM tạo ra một sân chơi bình đẳng để các đối tác thể hiện bản thân mình, phát huy khả năng và tự tìm kiếm cho mình các cơ hội. Vậy thì đó là những sân chơi nào và những luật chơi đã được xác lập như thế nào?

## 2. ASEM và vấn đề thể chế hoá

Những đặc điểm cơ bản của tiến trình ASEM đã được nhấn mạnh trong tài liệu của Ủy ban Châu Âu (Working Document, 18/4/2000) như sau:

- Tính không chính thức;
- Tính đa phương, thể hiện qua các khía cạnh chính trị, kinh tế, văn hoá, theo ba cột trụ của ASEM để có được hợp tác toàn diện (ba cột trụ đó là thúc đẩy hợp tác kinh tế, tăng cường đối thoại chính trị và an ninh, củng cố quan hệ văn hoá giữa các dân tộc của hai khu vực);

- Nhấn mạnh tới hợp tác bình đẳng, tránh mọi quan hệ dựa trên “trợ giúp”;

- Tập trung vào hoạt động ở cấp cao, xuất phát từ các cuộc gặp thượng đỉnh.

Tác giả John Lawrence Avila (2001, tr.13) cho rằng, các thành viên của ASEM hướng tới một thể chế “mềm” mang tính không chính thức. “Cả hai (ASEM và APEC) đều tránh không hướng tới hình thức một siêu quốc gia (như EU) có khả năng làm suy yếu chủ quyền của các quốc gia thành viên”. Trong khi so sánh quan điểm của các trường phái khác nhau khi định nghĩa về “thể chế hoá”, Avila cho rằng: “Những quan điểm truyền thống nghi ngờ các thể chế hợp tác có thể lấn lướt hành vi nằm trong lợi ích riêng của các quốc gia, trong khi đó, trường phái tự do lại lạc quan về những triển vọng hướng tới kết quả của hợp tác giữa các quốc gia thành viên” (Avila, 2001, tr. 15). Theo quan điểm truyền thống về thể chế hoá, mà EU là một ví dụ điển hình, kết quả cuối cùng mà thể chế đem lại là sự cân bằng quyền lực giữa các quốc gia thành viên đạt được qua các hoạt động thương lượng, mặc cả. Trong khi đó quan điểm mới về thể chế hoá cho rằng, kết quả hợp tác, những giá trị chung, sự thoả mãn của mọi thành viên trong quá trình hợp tác là mục tiêu. Tác giả này dẫn ra nhiều ý kiến cho rằng vấn đề phát triển thể chế ở châu Á còn yếu kém (Châu Á đang ở trong tình trạng “thiếu hụt về thể chế”) do các nước Đông và Đông Nam Á không có sự tương đồng về các giá trị, các chuẩn mực hay thể giới quan, cũng như về ngôn ngữ, tôn giáo,

văn hoá, hệ tư tưởng. Trong khi ở châu Âu vấn đề thể chế hoá đã gần tiến đến giai đoạn hoàn tất thì ASEM vẫn đang trong giai đoạn đầu tiên của quá trình xác lập thể chế (Avila, 2001, tr.20) nếu như hiểu thể chế theo định nghĩa cổ điển của Krasner “những nguyên tắc, những chuẩn mực, những quy định và quy trình đưa ra quyết định được thể hiện ra ngoài hoặc được hiểu ngầm” (dẫn theo Avila, 2001, tr. 15). Chính vì vậy quan điểm về một thể chế “mềm” rất được hưởng ứng trong tiến trình ASEM. “Quan điểm này chống lại ý tưởng về các thể chế chính thức, thay vì dựa vào cách tiếp cận dần dần tiến tới hợp tác. Cách tiếp cận theo kiểu châu Á này không chú trọng đến chủ nghĩa hợp pháp, các hiệp định, ký kết hay các thiết chế chính thức, trái lại, nó nhấn mạnh đến việc tìm kiếm sự nhất trí, ngoại giao giải quyết vấn đề, xây dựng sự tin tưởng lẫn nhau, sự ràng buộc ở cấp cao (Kahler 1994; Higgott 1998, dẫn theo Avila, 2001, tr. 21). Cách tiếp cận này đã được thể hiện trên thực tế như thế nào? Một châu Á mềm dẻo và linh hoạt kết hợp với một châu Âu đã được “tiêu chuẩn hoá” liệu có là một triển vọng hợp tác có hiệu quả? Nuria Ofken (2001, tr. 113) cho rằng, ASEM không phải là một tổ chức quốc tế vì nó không được xây dựng trên các quy định được ràng buộc bởi pháp lý, thậm chí không có ban thư ký. ASEM là một mô hình hoàn toàn theo kiểu châu Á: Ưu tiên cho sự đồng thuận (mặc dù có tác giả cho rằng đó là “đồng ý - không đồng ý”, tức là đồng ý chấp nhận những ý kiến khác nhau), những ràng buộc tự nguyện, không can thiệp lẫn nhau. Tuy nhiên ASEM

vẫn là một thiết chế bởi vì nó bảo đảm cho các cơ chế liên khu vực được điều phối và hoạt động đều đặn với sự hợp tác giữa các quốc gia (Nếu nhìn vào lịch trình hoạt động của ASEM ta thấy: Từ 1996 cho đến nay, ngoài 4 phiên họp thượng đỉnh 1, 2, 3, 4 diễn ra đều đặn 2 năm một kỳ, trung bình tháng nào cũng có tới 4-5 cuộc gặp gỡ, hội nghị, thảo luận hoặc các bài giảng trong khuôn khổ ASEM). Cho đến nay “ASEM process” (tiến trình ASEM) vẫn là tên gọi được chấp nhận rộng rãi nhất. Nó thể hiện tính chất linh hoạt, mở và còn chưa hoàn tất. Tại ASEM II tổ chức tại London, các nhà lãnh đạo ASEM đã thông qua một Khuôn khổ Hợp tác Á - Âu, đề ra những mục tiêu cơ bản của tiến trình ASEM, những ưu tiên hàng đầu và các lĩnh vực hợp tác Á - Âu, cơ chế điều phối và quản lý các hoạt động của ASEM. Các nhà lãnh đạo đồng ý rằng, tiến trình ASEM phải: a) Hoạt động trên cơ sở hợp tác bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi; b) Là một quá trình mở và đang trong quá trình phát triển; c) Việc mở rộng ASEM dựa trên cơ sở cùng nhất trí của các nhà lãnh đạo các quốc gia; d) Thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau thông qua đối thoại và e) Thúc đẩy hợp tác thông qua phối hợp bàn bạc nhằm đẩy mạnh đối thoại chính trị và hợp tác quốc tế (Avila, 2001, tr. 33). Trong 7 năm qua, kể từ ASEM I năm 1996 diễn ra tại Bangkok cho tới ASEM IV năm 2002 tại Copenhagen, ASEM đã ngày một được củng cố và đạt được một số thành tựu. Nếu nhìn từ Việt Nam, những thành tựu đó được thể hiện thế nào?

### 3. Những cơ hội của Việt Nam

Việt Nam là một nước trung bình trong khu vực và trên thế giới, được xếp vào số những nước nghèo (Tỷ trọng của Việt Nam trong GNP thế giới là 0,09% năm 1996, trong buôn bán trao đổi hàng hoá là 0,19% năm 1997. Con số tương ứng của nước liền kề ở châu Á: Philippines 0,34 và 0,58 và của nước cao nhất là Nhật Bản 21,29 và 7,08). Nhận định đầu tiên mà Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã nói khi trả lời phỏng vấn Báo Nhân dân sau khi dự ASEM I là: Việt Nam là nước nghèo nhất trong số 25 nước thành viên của ASEM. Vậy mà Việt Nam đã là một trong những nước đầu tiên sáng lập ra ASEM và có những đóng góp nhất định vào sân chơi bình đẳng này. Chính thể chế mở của ASEM đã tạo điều kiện, tạo cơ hội cho Việt Nam hội nhập với thế giới. Nếu tuân thủ theo những tiêu chuẩn ngặt nghèo của châu Âu (chẳng hạn tiêu chuẩn gia nhập EU với hàng ngàn điều khoản) thì có lẽ phải trong một thời gian dài Việt Nam mới có cơ hội đứng trên cùng diễn đàn với các nước phát triển.

Chúng ta đã biết các hoạt động của ASEM diễn ra xung quanh ba trụ cột chính: hợp tác chính trị, kinh tế, và các vấn đề khác, như trao đổi văn hoá, giáo dục. Trong phạm vi của trụ cột thứ nhất, liên quan đến các vấn đề chính trị, Việt Nam luôn ủng hộ tư tưởng vì một thế giới hoà bình như Thủ tướng Phan Văn Khải đã phát biểu tại lễ bế mạc ASEM IV tại Seoul: “Việt Nam luôn tôn trọng Hiến Chương Liên hiệp quốc và các luật lệ quốc tế, tăng cường đối thoại để đạt được các giải pháp trên cơ sở nhất trí nhằm chống lại chủ

ngĩa khủng bố và duy trì an ninh trên toàn thế giới". Trên thực tế, trong những năm qua, Việt Nam được coi là nơi an toàn nhất, bình yên và ổn định nhất của thế giới. Người Việt Nam đã trải qua nhiều năm chiến tranh và hiểu sâu sắc hơn ai hết ý nghĩa của cuộc sống hoà bình. Tuy nhiên cũng phải nhận thấy rằng, chính trị là vấn đề nhạy cảm nhất trong khuôn khổ ASEM do có nhiều ý kiến bất đồng xung quanh một số vấn đề như dân chủ, quyền con người, và xu hướng của ASEM là né tránh các vấn đề riêng của các quốc gia mà chỉ đưa ra bàn về những vấn đề chung, mang tính toàn cầu.

*Xung quanh cột trụ kinh tế*, được coi là “động lực của cỗ xe ASEM”, diễn ra các cuộc gặp của các bộ trưởng kinh tế và hoạt động của các SOMTI (Senior Officials Meeting, Trade and Investment), AEBF (Asia-Europe Business Forum), TFAP (Trade Facilitation Action Plan) thúc đẩy thương mại thông qua dỡ bỏ các hàng rào phi thuế quan, tăng cường tính minh bạch của các hoạt động kinh tế, thúc đẩy các cơ hội trao đổi buôn bán giữa hai khu vực song song với hoạt động song phương và đa phương) và IPAP (Investment Promotion Action Plan). Việt Nam tận dụng các thiết chế trong khuôn khổ ASEM để vận động cho việc gia nhập WTO- vấn đề đã được đưa ra trong chương trình nghị sự của cuộc gặp Bộ trưởng Kinh tế ASEM diễn ra tại Hà Nội lần thứ ba năm 2001 cũng như tại hai cuộc họp gần đây nhất diễn ra tại Copenhagen năm 2002 và Trùng Quốc năm 2003. Hiện nay Việt Nam có trách nhiệm làm việc về hai Task Force và báo cáo sẽ được trình bày tại ASEM IV được tổ chức

ở Việt Nam vào năm nay (2004) với mục tiêu thông qua TFAP và IPAP tìm kiếm các cơ hội tăng cường trao đổi các hoạt động kinh tế trong khuôn khổ ASEM. Trước đó Việt Nam đã đưa ra sáng kiến “Tăng cường cơ hội kinh doanh trong ASEM” trên diễn đàn ASEM.

Để đáp lại một số chỉ trích cho rằng ASEM quá thiên về “thương mại” và bỏ qua các hoạt động văn hoá xã hội, ASEM đã xúc tiến nhiều hoạt động quanh cột trụ thứ ba-các hoạt động khác liên quan đến văn hoá xã hội, khoa học, giáo dục. *Liên quan đến cột trụ thứ ba* về trao đổi các hoạt động văn hoá xã hội, khoa học, giáo dục, Việt Nam đã đề xuất các sáng kiến của mình “Hợp tác Á - Âu trong kết hợp y dược học cổ truyền và hiện đại trong chăm sóc sức khoẻ cộng đồng”, “Bảo vệ di sản văn hoá của các nước ASEM”, tổ chức hai hội thảo liên quan đến những vấn đề này tại Hà Nội năm 1999. Việt Nam cũng đã tích cực thúc đẩy các hoạt động ngoại giao văn hoá như tổ chức triển lãm tranh nghệ thuật đương đại Việt Nam “Tâm nhìn từ Việt Nam” năm 1998, trước ASEM II tại London, tạo ấn tượng đẹp trong lòng bạn bè thế giới, thu hút sự quan tâm của họ đối với văn hoá Việt Nam, tạo cơ hội cho sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam. Hội thảo Âu - Á về Con người, Di sản văn hoá và Du lịch tại Hà Nội tháng 11 năm 2002 cũng đánh dấu một bước tiến mới trong hoạt động văn hoá trong khuôn khổ ASEM.

Gần đây trước mỗi kỳ Hội nghị thượng đỉnh ASEM, các nước chủ nhà đều có tổ chức những ngày văn hoá với sự tham dự của các quốc gia ASEM như chương trình “Asian Comments”- một chương trình văn hoá kéo

dài 3 ngày trước ASEM IV tại Copenhagen với sự tham gia của 10 nước châu Á trong ASEM. Trước đó, tuyên bố của Chủ tọa ASEM III đã cho thấy mối quan tâm đến trụ cột thứ ba - các vấn đề văn hoá xã hội.

Các nhà lãnh đạo nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc tăng cường sự hiểu biết giữa hai khu vực thông qua các trao đổi giữa con người với con người trong mọi lĩnh vực văn hoá xã hội. Các nhà lãnh đạo cũng nhận thấy được các nền văn hoá đầy sức sống và đa dạng của châu Âu và châu Á chính là nguồn sinh khí để khơi nguồn cho sự hợp tác qua lại giữa hai khu vực và ghi nhận ASEM chính là cỗ xe tuyệt vời để đạt được mục tiêu này (Seoul 2002)

Theo Stokhof (1999, tr.36), ngay sau khi EU tuyên bố Chiến lược Châu Á, các sáng kiến nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác văn hoá giữa châu Á - châu Âu đã ngày càng được triển khai. Quỹ Á-Âu (ASEF) ra đời với đóng góp của các quốc gia thành viên ASEM lên đến 15-20 triệu đôla nhằm tăng cường mối liên kết giữa các nhà khoa học, nghệ sỹ, các nhóm văn hoá, các học giả, sinh viên, giới truyền thông và các chuyên gia cố vấn theo đúng mục tiêu của nó đã được tuyên bố tại ASEM I năm 1996: “Tăng cường sự hiểu biết giữa châu Á và châu Âu, thông qua sự trao đổi ngày càng mạnh mẽ về mặt trí tuệ, văn hoá giữa con người với con người”. Tác giả Gilson (2002, tr. 143) cho rằng, văn hoá có vai trò đem lại sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau giữa các quốc gia của hai châu lục và chính hoạt động văn hoá giúp cho con người xích lại gần với nhau hơn, nó làm dịu đi tính chất “hoạt động trên chóp bu” của tiến trình ASEM.

Trong khuôn khổ của trụ cột thứ ba, vấn đề hợp tác nghiên cứu ASEM cũng được chú trọng, đặc biệt là Chương trình Liên kết nghiên cứu Âu - Á (PEARL) - một mạng lưới liên kết các nhà nghiên cứu - đại diện cho các trường đại học và viện nghiên cứu châu Âu và châu Á hàng đầu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Theo Kuypers S. và Stokhof W. “nghiên cứu là một lực lượng liên kết” và “các chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn sẽ thúc đẩy quá trình nối lại quan hệ giữa châu Á và châu Âu”. Theo hai tác giả này, cần có các chương trình nghiên cứu chung Âu - Á song song cùng với các chương trình nghiên cứu song phương hiện đã được triển khai như EU - Ấn Độ, EU - Trung Quốc. Các nhà khoa học xã hội của Việt Nam hiện cũng chưa thật sự vào cuộc, còn rất ít các thông tin trên mạng có liên quan đến các hoạt động của Việt Nam trong khuôn khổ các thiết chế của ASEM, những đánh giá phân tích, những tìm tòi của các nhà nghiên cứu Việt Nam về khả năng đóng góp, hội nhập của Việt Nam trong ASEM hay những sáng kiến đóng góp vào chương trình nghiên cứu chung Âu - Á.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Asia-Europe Summit-ASEM 4 (2002). Royal Danish Ministry of Foreign Affairs.
2. Avila, John Lawrence (2001). APEC and ASEM: Reconciling Two Regional Agendas// Wilfrido Villacorta (ed.) *Coalition-Building APEC*. Philippines APEC Study Centre Network, Raitree Publishing.
3. Bùi Huy Khoát (2003). Chiến lược châu Á mới của EU và vai trò của ASEM. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, No 4/2003, tr. 3-11.